

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 8
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2019	9 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	12 – 13
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019	14 – 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (sau đây viết tắt là “**Kỳ kế toán**”) của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) nguyên là Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cổ phần hóa theo Quyết định số 3528A/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2018

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84-0254) 385 3125
- Fax : (84-0254) 351 1385
- Website : busadco.com.vn
- E-mail : busadco@hcm.vnn.vn
- Mã số DN : 3 5 0 0 6 1 4 2 1 1

Hệ thống các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Những vấn đề có ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động của Công ty trong Kỳ kế toán

- Niên độ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 là niên độ kế toán đầu tiên của Công ty theo hình thức Công ty Cổ phần.
- Theo Thông báo số 538/TB-SGDHN ngày 21/05/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về ngày giao dịch chính thức 10.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần khoa học Công nghệ Việt Nam, mã chứng khoán BUD là ngày 27/05/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | | |
|----|-----|------------------|----------------------------|
| 1. | Ông | Hoàng Đức Thảo | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Ông | Nguyễn Văn Lư | Thành viên |
| 3. | Ông | Nguyễn Văn Sang | Thành viên |
| 4. | Bà | Nguyễn Thị Hương | Thành viên |
| 5. | Ông | Hoàng Đình Nhu | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|----------------|---|
| 1. | Ông | Hoàng Đức Thảo | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty |
| 2. | Ông | Đỗ Anh Tuấn | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Nguyễn Võ Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông | Hồ Văn Thư | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Tôn Thất Kha | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

- | | | | |
|----|-----|-----------------|------------------|
| 1. | Bà | Hoàng Thị Thắm | Quyền Trưởng Ban |
| 2. | Ông | Hoàng Văn Nghĩa | Thành viên |
| 3. | Bà | Hoàng Thị Vui | Thành viên |

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà Hoàng Thị Hương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 09 đến trang 55.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, hai Chi nhánh của Công ty là: **Chi nhánh Công ty Khoa học và Công nghệ** và **Chi nhánh Miền Bắc** được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Mọi tài sản, nợ phải trả, vốn góp và các vấn đề khác của các Chi nhánh được điều chuyển về Công ty tiếp quản và xử lý.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty..

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu;
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Tổng Giám đốc – Hoàng Đức Thảo

Thành phố Vũng Tàu, ngày 09 tháng 4 năm 2020

Số: 1802.01.05/2020/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 4 năm 2020, từ trang 09 đến trang 55, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp

lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

- Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh theo loại hình Công ty Cổ phần, do chưa thể hoàn tất quy chế tiền lương áp dụng cho loại hình doanh nghiệp mới nên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải trả người lao động đang có số dư âm (Thuyết minh V.21) do những khoản đã thực chi cho người lao động nhưng Công ty Mẹ chưa xác định đầy đủ nguồn bù đắp;. Vấn đề đã nêu có liên quan đến việc trình bày các Khoản phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ kế toán của Công ty.
- Công ty có các khoản phải thu khách hàng và Trả trước người bán tồn đọng là **10.516.891.124** Đồng nhưng chưa được đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Vấn đề này có ảnh hưởng đến việc phản ánh giá trị thuần của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các khoản có liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất..
- Thực hiện hợp đồng EPC số 12/2018/HĐ-EPC ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Phụ lục hợp đồng số 01/2018/PL.HĐ-EPC ngày 08/11/2018 đã ký giữa công ty với Ban Quản lý các Dự án ODA và NGO về việc thi công gói thầu số 16: Thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây dựng **Công trình kè biển Cà Mau biển Tây**. Căn cứ Biên bản Tổng nghiệm thu hoàn thành ngày 24/12/2018 đã ký giữa các Bên có liên quan, Công ty đã ghi nhận Doanh thu theo hợp đồng nhưng Giá vốn công trình chưa được ghi nhận đầy đủ do chưa hoàn tất công tác đối chiếu kế toán giữa các đơn vị nội bộ (**thuyết minh V.7**).
- Liên quan đến **Công trình kè biển Cà Mau biển Đông**, do chưa thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết về khoản Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong chỉ tiêu Hàng tồn kho (**thuyết minh V.7**) nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến về tính xác thực của các khoản đã nêu

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính hợp nhất vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019..



Vấn đề lưu ý

- Kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019 cũng là kỳ kế toán kết thúc của Chi nhánh Công ty Khoa học và Công nghệ và Chi nhánh Miền Bắc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 hai Chi nhánh đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất này, phần số liệu có liên quan từ hai Chi nhánh của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, nhằm đáp ứng tiêu chí chung trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất toàn Busadco
- Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đã hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần; Tuy nhiên cho đến thời điểm lập báo cáo này, Cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa chưa ra Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Phó Tổng Giám đốc – Lê Thị Hạ

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0082-2018-124-1

Kiểm toán viên – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2020

82-C
TY
HỮU H
OÁN
I VIỆT
T.P.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		366.764.423.441	1.505.032.679.159
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.777.600.511	4.333.015.031
111	1. Tiền		2.073.000.511	4.333.015.031
112	2. Các khoản tương đương tiền		704.600.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		219.576.464.410	1.420.699.710.251
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	87.674.952.836	35.443.081.221
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.171.537.702	3.906.694.312
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	V.5	-	57.788.333.347
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	124.729.973.872	1.323.561.601.371
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	127.268.530.359	68.739.341.967
141	1. Hàng tồn kho		127.268.530.359	68.739.341.967
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.141.828.161	11.260.611.910
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	7.031.890.769	10.206.518.561
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	52.277.012	28.260.661
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	57.660.380	1.025.832.688
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.593.885.573	68.529.361.818
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		232.006.111	212.006.111
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.11	232.006.111	212.006.111
220	II. Tài sản cố định		24.737.106.734	36.452.098.482
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.12	19.903.003.643	31.617.995.391
222	- Nguyên giá		107.494.922.871	103.644.404.154
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.591.919.228)	(72.026.408.763)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.13	4.834.103.091	4.834.103.091
228	- Nguyên giá		4.951.118.091	4.951.118.091
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.015.000)	(117.015.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		16.190.884.462	9.739.953.375
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	16.190.884.462	9.739.953.375
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.829.166.727	10.491.012.371
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.15	11.829.166.727	10.491.012.371
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.604.721.539	11.634.291.479
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.16	6.604.721.539	11.634.291.479
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		426.358.309.014	1.573.562.040.977

12-C
 TY
 HỮU H
 DÁN
 VIỆ
 T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		307.142.165.199	1.462.533.959.787
310	I. Nợ ngắn hạn		306.709.546.199	1.462.533.959.787
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	44.525.429.195	44.215.556.824
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	45.375.321.620	43.967.448.890
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	20.375.869.081	11.361.060.295
314	4. Phải trả người lao động	V.20	(183.802.484)	2.418.117.029
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.21	43.138.506.664	45.855.916.888
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	126.735.414.589	1.295.088.339.525
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	26.287.694.771	19.522.407.573
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	455.112.763	105.112.763
330	II. Nợ dài hạn		432.619.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.25	432.619.000	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		119.216.143.815	111.028.081.190
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.26	119.216.143.815	111.028.081.190
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.26.1	100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.26.2	3.339.947.543	68.861.475
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.26.3	5.123.588.572	(32.084.531)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(2.373.175.850)	10.915.769.362
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.496.764.422	(10.947.853.893)
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.26.4	10.752.607.700	10.991.304.246
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		426.358.309.014	1.573.562.040.977

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	306.121.242.722	234.494.719.753
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.28	-	3.172.453.356
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		306.121.242.722	231.322.266.397
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.29	179.851.220.252	152.403.737.799
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		126.270.022.470	78.918.528.598
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.30	21.268.643	1.101.706.232
22	7. Chi phí tài chính	VI.31	1.863.889.024	1.273.376.346
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.863.724.912	1.240.736.691
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.32	1.338.154.356	71.454.639
25	9. Chi phí bán hàng	VI.33	20.125.114.236	17.783.516.694
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.34	96.414.645.810	67.912.351.611
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.225.796.399	(6.877.555.182)
31	12. Thu nhập khác	VI.35	109.405.420	194.804.332
32	13. Chi phí khác	VI.36	1.802.528.512	3.292.900.704
40	14. Lợi nhuận khác		(1.693.123.092)	(3.098.096.372)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.532.673.307	(9.975.651.554)
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.37	247.566.754	82.882.111
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		7.285.106.553	(10.058.533.665)
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		7.421.338.846	(9.734.979.271)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.38	(136.232.293)	(323.554.394)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.39	742	-

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hương

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.532.673.307	(9.975.651.554)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		16.352.395.807	5.631.466.486
03	- Các khoản dự phòng		-	(3.370.025.481)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(808.153.985)	(1.888.591.574)
06	- Chi phí lãi vay		1.863.724.912	1.240.736.691
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.940.640.041	(8.362.065.432)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.202.047.401.798	(76.611.126.031)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(58.529.188.392)	(21.993.939.443)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(1.162.090.446.523)	76.754.433.749
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.204.197.732	(15.176.318.405)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.920.543.862)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(607.383.067)	(3.367.709.174)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	86.805.096.572
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(67.391.117)	(57.742.047.852)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.977.286.610	(19.693.676.016)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(10.144.654.697)	(23.444.420.841)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.266.699.717)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.268.643	1.101.706.232
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.390.085.771)	(22.342.714.609)

384

NG
HIỆM
M T
TẬP

DA

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	1. Tiền thu từ đi vay		121.478.719.915	89.836.805.105
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(113.621.335.274)	(70.314.397.532)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.857.384.641	19.522.407.573
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.555.414.520)	(22.513.983.052)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	4.333.015.031	26.846.998.083
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	2.777.600.511	4.333.015.031

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thị Gám

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Hường

Tổng Giám đốc




Hoàng Đức Thảo



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam và các Công ty con (sau đây viết tắt là “**Công ty**”) cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (sau đây viết tắt là “**Kỳ kế toán**”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Lĩnh vực hoạt động : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

❖ *Hoạt động công ích trong lĩnh vực thoát nước đô thị:*

Làm chủ đầu tư, xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn và các công trình khác từ nguồn vốn ngân sách do UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao; Quản lý các nguồn vốn ODA do UBND tỉnh BR-VT giao để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải và vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Quản lý khai thác sử dụng hệ thống các hồ điều hò, điều tiết, kênh, mương đê bao, các cống ngăn triều phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị; Duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành hệ thống thoát nước tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Kiểm soát các nguồn xả từ các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan đơn vị đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị; Quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

❖ *Hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Dịch vụ Tư vấn xây dựng và Dịch vụ môi trường, Đầu nối hệ thống thoát nước cục bộ vào hệ thống thoát nước chung; Bao tiêu trọn gói hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường và hút hầm vệ sinh cho các tổ chức và hộ gia đình; Thu gom, chuyên chở các loại chất thải sinh hoạt đô thị và công nghiệp.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, các thiết bị, phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường.
- Nhận thầu thi công xây lắp công trình chuyên ngành cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện dưới 35KV, công trình nạo vét sông, hồ, bến cảng, công trình nông lâm thủy, công trình cầu, đường giao thông vận tải.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

- Nghiên cứu ứng dụng các công trình khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường; Hợp tác với các tổ chức và các nhà khoa học trong và ngoài nước trong lĩnh vực sáng tạo khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống; Cung cấp hoặc chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học; Hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật chuyên ngành nước và vệ sinh môi trường; Thí nghiệm vật liệu xây dựng, thiết bị phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường; Kiểm định chất lượng các công trình khoa học.
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Đầu tư kinh doanh và quản lý chợ.

Cấu trúc công ty

Các Chi nhánh, Công ty con và công ty liên kết của Công ty gồm có:

❖ Các Đơn vị trực thuộc

Đơn vị	Mã số doanh nghiệp/ Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	3500614211	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2. Công ty Khoa học và Công nghệ – Chi nhánh Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam	3500614211-003	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Chi nhánh Miền Bắc – Chi nhánh Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam	3500614211-001	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

❖ Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết

	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế	Vốn đầu tư của Busadco vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty
1 Công ty CP Xây lắp Busadco (*)	Xây lắp - Thương mại – Dịch vụ	3501758505	3.616.000.000	57,11%
2 Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Xây dựng – Dịch vụ	3501317349	8.115.854.794	68,05%
3 Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dịch vụ công ích – Xây dựng	3500119584	7.996.500.000	39,98%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

- (*) Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco đã sáp nhập vào Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, việc sáp nhập cụ thể như sau :

Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty CP Xây lắp Busadco số 01/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 02 năm 2019, Hội đồng Quản trị đã thông qua Hợp đồng sáp nhập Công ty CP Xây lắp Busadco về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Bà Rịa Vũng Tàu

- Theo hợp đồng sáp nhập ngày 15/05/2019: Hình thức sáp nhập là, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hành và hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Busadco; tỷ lệ hoán đổi là 1:1.
- Công ty nhận sáp nhập đã hoàn tất đăng ký việc sáp nhập tại giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 5 năm 2019 ; Việc sáp nhập 2 Công ty được hoàn tất vào ngày 01 tháng 9 năm 2019.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Vốn đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Busadco là **11.923.354.793 Đồng** chiếm **65,03%** Vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán này (từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019) không cùng kỳ so sánh với Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ trước (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/10/2018) do Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu, độ dài của hai kỳ kế toán không tương đồng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Riêng kỳ kế toán đầu tiên của Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Bao gồm :

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Công ty Mẹ) và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Hàng tồn kho của Công ty được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên

6. Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc và thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 - 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. TSCĐ vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài và Phần mềm vi tính được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế.

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	-
- Phần mềm máy vi tính	03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn. Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý

10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm: Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.



12. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện phù hợp với các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

15. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu của hợp đồng xây dựng (HĐXD) được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HĐXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- b. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

18. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

2-C
TY
HỮU
DÂN
VIỆ
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 3, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

22. Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý và Công ty Mẹ cùng các Công ty con đều hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	ĐVT: VND	
	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	915.284.005	380.294.822
- Tiền gửi ngân hàng	1.157.716.506	3.952.720.209
- Các khoản tương đương tiền	704.600.000	-
Cộng	2.777.600.511	4.333.015.031
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/HĐTĐ.760.600410 ngày 31/7/2019, lãi suất 5,5%. Khoản tiền gửi này dùng để cầm cố bảo lãnh khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thuyết minh số V.23)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	48.905.950.024	-
- Ban QLDA cung cấp sản phẩm kênh mương đúc sẵn	9.129.975.000	-
- Trung tâm quản lý các khu xử lý chất thải	4.610.812.535	-
- Ban QLDA XDCSHT TP Thái Bình (*)	2.949.728.000	2.949.728.000
- BQLDA Đầu tư nhà máy sứ Viglacera Mỹ Xuân	1.316.685.000	-
- Ban quản lý công trình Xây dựng Phát triển đô thị (*)	974.446.000	974.446.000
- Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Cấp Thoát Nước Viwaseen 02	1.737.135.000	2.037.135.000
- Công ty TNHH XDCTGT CIENCO 5.9	1.037.575.000	-
- Công ty CP XD Nhà Hoàng Long	762.970.000	999.120.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng IDICO	695.740.000	-
- Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C (*)	351.725.000	351.725.000
- Công ty Xây dựng Đồng Tâm (*)	1.200.173.500	1.200.173.500
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Trung	914.566.400	1.099.566.400
- Ủy ban nhân dân xã Hoa Nam (*)	810.922.880	810.922.880
- Ủy ban nhân dân xã Quang Bình (*)	649.176.400	649.176.400
- Ủy ban nhân dân xã Thái Hưng (*)	570.022.000	570.022.000
- Công ty Xây dựng Ninh Giang TNHH (*)	547.234.800	547.234.800
- Các đối tượng khác (*)	9.928.391.197	19.853.210.741
Cộng	87.674.952.836	35.443.081.221

(*) Nợ tồn đọng



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Chi phí Ban QLDA 3 tuyến Bà Rịa	830.023.757	-
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	493.883.342	-
- Công ty Cổ phần tập đoàn Thiết bị G7	440.550.000	-
- Cửa hàng Kinh Doanh Thực phẩm (Đại Lý Tùng)	291.960.000	-
- Công ty VLXD và TTNT Kim Thành Phát	276.200.000	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật môi trường Kỹ Nguyên (*)	273.381.400	273.381.400
- Sở Kế hoạch & Đầu tư	271.320.000	-
- Công ty TNHH SX & KD Phúc Thành	166.194.183	-
- Công ty TNHH MTV đá núi Hòn Sóc	165.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Toàn Thắng (*)	135.000.000	135.000.000
- Công ty TNHH Hà Phương Nam	33.885.400	103.099.000
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp Hồ Nam	41.500.000	624.085.000
- Nhà may Hồng Phát	-	486.000.000
- Các đối tượng khác (*)	3.752.639.620	2.285.128.912
Cộng	7.171.537.702	3.906.694.312

(*) Nợ tồn đọng

5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

- Sở Xây dựng Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	57.347.969.742
- Các công trình khác	-	440.363.605
Cộng	-	57.788.333.347

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
6.1 Tạm ứng	3.707.106.288	4.726.242.064
6.2 Các khoản phải thu thuộc Ban Quản lý Dự án	84.668.450.491	1.317.169.458.489
6.3 Phải thu khác	35.474.802.093	1.665.900.818
Cộng	123.850.358.872	1.323.561.601.371

6.2 Các khoản phải thu thuộc Ban quản lý dự án chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là các khoản Công ty đang theo dõi hộ chưa được bàn giao gồm:

- Tiền gửi tại kho bạc	488.925.481	488.925.481
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.505.348.214	473.086.772.029
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	63.674.176.796	843.593.760.979
Cộng	84.668.450.491	1.317.169.458.489

6.3 Các khoản Phải thu khác

- Trần Văn Minh	217.734.932	217.734.932
- Phải thu Thuế TNCN của nhân viên	12.508.066	12.508.066
- Thuế TNCN thù lao tác giả	10.699.837.813	-
Phải thu Ban Ban quản lý dự án chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (ứng vốn đầu tư)	19.204.546.157	-
- Đào Thị Hồng Thúy	2.000.000.000	-
- Thuế truy thu chờ xử lý	862.852.029	862.852.029
- Phải thu khác	2.477.323.096	572.805.791
Cộng	35.474.802.093	1.665.900.818

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

7. Hàng tồn kho

	Ngày 31/12/2019		Ngày 01/11/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.328.258.392	-	7.396.763.561	-
- Công cụ, dụng cụ	1.068.825.048	-	1.093.030.768	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	66.069.471.985	-	30.895.801.737	-
- Thành phẩm	17.528.037.664	-	23.985.429.136	-
- Hàng hoá	219.242.308	-	215.454.400	-
- Hàng gửi bán (*)	44.639.262.406	-	5.152.862.365	-
Cộng	133.853.097.803	-	68.739.341.967	-

(*) Trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh (ghi nhận tại các khoản mục: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng gửi bán) của các công trình như sau:

- Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ đê biển Tây và Khu tái định cư gọi tắt là "Công trình kè biển Cà Mau biển Tây"	14.500.734.607
- Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ đê biển Đông khu vực cửa biển Rạch Góc, cửa biển Vàm Xoáy gọi tắt là "Công trình kè biển Cà Mau biển Đông"	46.954.006.552
Cộng	61.454.741.159

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, tiền thuê mặt bằng được phân bổ trong vòng 12 tháng:

- Số đầu kỳ	10.206.518.561	5.672.385.725
- Tăng trong kỳ	9.664.971.024	13.607.185.281
- Tăng do xác định giá trị Doanh nghiệp	-	413.930.914
- Phân bổ chi phí trong kỳ	(12.839.598.816)	(9.486.983.359)
- Số cuối kỳ	7.031.890.769	10.206.518.561

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

9. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	52.277.012	28.260.661
---	-------------------	-------------------

Khoản thuế Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ còn được khấu trừ.

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	659.199.259
- Thuế Thu nhập cá nhân	57.613.948	363.633.429
- Các khoản thuế khác	46.432	3.000.000
Cộng	57.660.380	1.025.832.688
11. Phải thu dài hạn khác	232.006.111	212.006.111

Chủ yếu là khoản ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình, thời hạn ký quỹ là 36 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

12. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Ngày 01/11/2018	48.532.565.053	8.581.232.344	41.145.148.486	2.612.107.528	2.773.350.743	103.644.404.154
- Mua trong kỳ	-	810.500.000	1.477.254.546	-	-	2.287.754.546
- Tăng khác	1.842.341.066	320.745.718	-	-	-	2.163.086.784
- Thanh lý, nhượng bán	-	(300.303.520)	-	(222.618.109)	-	(522.921.629)
- Giảm khác	-	-	-	(77.400.984)	-	(77.400.984)
- Ngày 31/12/2019	50.374.906.119	9.412.174.542	42.622.403.032	2.312.088.435	2.773.350.743	107.494.922.871
Giá trị hao mòn						
- Ngày 01/11/2018	29.418.891.707	6.940.634.900	31.394.493.847	1.499.037.566	2.773.350.743	72.026.408.763
- Khấu hao trong kỳ	7.285.145.804	1.347.432.883	6.869.824.823	478.825.314	-	15.981.228.824
- Tăng khác	-	100.885.842	-	-	-	100.885.842
- Thanh lý, nhượng bán	-	(261.604.780)	-	(177.513.578)	-	(439.118.358)
- Giảm khác	(71.869.368)	-	-	(5.616.475)	-	(77.485.843)
- Ngày 31/12/2019	36.632.168.143	8.127.348.845	38.264.318.670	1.794.732.827	2.773.350.743	87.591.919.228
Giá trị còn lại						
- Ngày 01/11/2018	19.113.673.346	1.640.597.444	9.750.654.639	1.113.069.962	-	31.617.995.391
- Ngày 31/12/2019	13.742.737.976	1.284.825.697	4.358.084.362	517.355.608	-	19.903.003.643

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

13. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao và chương trình phần mềm được tính khấu trong 03 năm

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [*]		Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Ngày 01/11/2018		4.834.103.091		117.015.000	4.951.118.091
- Tăng trong kỳ		-		-	-
- Ngày 31/12/2019		4.834.103.091		117.015.000	4.951.118.091
Giá trị hao mòn					
- Ngày 01/11/2018		-		117.015.000	117.015.000
- Khấu hao trong kỳ		-		-	-
- Ngày 31/12/2019		-		117.015.000	117.015.000
Giá trị còn lại					
- Ngày 01/11/2018		4.834.103.091		-	4.834.103.091
- Ngày 31/12/2019		4.834.103.091		-	4.834.103.091

[*] Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (do Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh BRVT quản lý), được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 207766, mục đích sử dụng đất: đất sản xuất phi nông nghiệp.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCB dở dang của các dự án, công trình sau:

- Dự án đầu tư xây nhà máy công nghệ tại Thái Bình	3.240.515.276	3.240.515.276
- Dự án đầu tư xây dựng Xưởng dã chiến 7 Thái Bình	276.823.659	276.823.659
- Dự án xây dựng Xưởng công nghệ Nha Trang mới	1.768.388.289	1.768.388.289
- Dự án xây dựng khác	315.150.849	315.150.849
- Chi phí xây dựng làng nghề tại chợ du lịch.	391.768.003	391.768.003
- Chi phí xây dựng xưởng, lán trại thi công tại dự án kè Biển Đông Cà Mau	6.584.567.444	-
- Nhà máy Vinh	3.613.670.942	3.613.670.942
- Dự án tổ hợp nhà ở, thương mại đường 51B	-	133.636.357
Cộng	16.190.884.462	9.739.953.375

482.
 CÔNG TY
 HỮU
 TOÁN
 M V
 - T -

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có Vốn Điều lệ 20.000.000.000 Đồng) với Giá trị vốn đầu tư ban đầu là **7.996.500.000 Đồng**, chiếm **39,98%** Vốn điều lệ tại Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tình hình khoản đầu tư trong năm như sau:

*	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
Giá gốc khoản đầu tư		
- Số đầu kỳ	7.996.500.000	7.996.500.000
- Tăng trong kỳ	-	-
- Số cuối kỳ	7.996.500.000	7.996.500.000
Lợi nhuận lũy kế tại Công ty liên kết		
- Số đầu kỳ	2.494.512.371	2.423.057.732
- Lợi nhuận tại Công ty liên kết trong kỳ	2.218.980.393	1.296.441.838
- Nhận cổ tức trong kỳ	(879.615.000)	(1.039.545.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ	(264.097.581)	(204.232.799)
- Điều chỉnh khác	262.886.544	18.790.600
- Số cuối kỳ	3.832.666.727	2.494.512.371
Giá trị thuần khoản đầu tư liên kết		
- Số đầu kỳ	10.491.012.371	10.419.557.732
- Số cuối kỳ	11.829.166.727	10.491.012.371

16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phân bổ dài hạn là các chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa và tiềm năng phát triển Doanh nghiệp... có thời gian phân bổ từ 24 tháng đến 60 tháng. Tình hình biến động như sau:

- Số đầu kỳ	11.634.291.479	992.105.910
- Tăng trong kỳ	171.292.661	931.300.624
- Tăng do xác định giá trị Doanh nghiệp	-	10.698.290.771
- Phân bổ chi phí trong kỳ	(5.200.862.601)	(987.405.826)
- Số cuối kỳ	6.604.721.539	11.634.291.479

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Công ty TNHH TM COG	3.866.303.599	6.253.460.108
- Công ty TNHH TM Thần Phong	3.536.416.684	4.320.160.700
- Công ty TNHH MMV	2.907.322.180	769.098.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hiệp Phước	2.483.236.499	-
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức (*)	2.372.069.700	3.352.800.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	1.615.031.840	-
- Công ty TNHH Hoàng Chương	1.591.694.266	3.649.727.351
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	1.524.052.251	1.152.605.002
- Công ty TNHH Bầy Tám	1.284.494.500	366.523.000
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	1.210.244.195	-
- Công ty TNHH DV VT sông biển Thái Bình Dương	1.188.880.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Kim Sơn	1.174.454.620	1.203.406.693
- Công ty TNHH CD Việt Nam	1.043.632.000	2.623.191.500
- Công ty TNHH TMTH và DV Phương Dung	1.021.179.500	-
- Công ty Cổ phần TM hóa dầu miền Nam	1.017.300.410	-
- Công ty TNHH TMDV Du lịch VT Thanh Hằng	714.150.000	566.655.800
- Công ty TNHH TM và Dịch vụ Tuyết Anh	1.079.565.758	1.564.565.758
- Các đối tượng khác	14.895.401.193	18.393.362.912
Cộng	44.525.429.195	44.215.556.824

(*) Khoản phải trả bên liên quan



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng trị	9.520.283.000	2.880.584.000
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Bình	8.714.292.000	8.714.292.000
- Ban QLDA công trình Nông nghiệp & PTNT Cà Mau BD	7.246.308.000	-
- Trung tâm quản lý các khu xử lý chất thải	4.394.000.000	-
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh BRVT	3.493.653.000	3.493.653.000
- Công ty Cổ phần nhựa Tân Đại Hưng	-	1.800.000.000
- Công ty TNHH Liên minh	1.143.328.800	-
- Công ty Cổ phần DT Nam Dinh Vu thi công kè	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH XDTMDV Minh Tuấn	973.571.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông tỉnh BRVT	469.840.000	-
- Công ty TNHH Thuận Minh	434.065.500	-
- Korea Invention Promotion Association (KIPA)	303.621.748	303.621.748
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	-	18.555.443.445
- Công ty TNHH XD Cầu Đường Việt Đức	274.792.300	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	936.000	647.216.000
- Các đối tượng khác	7.406.630.272	6.572.638.697
Cộng	45.375.321.620	43.967.448.890

010:
C
RÁCH
KIẾ
THÂN
VGT

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Ngày 01/11/2018	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 31/12/2019
- Thuế Giá trị gia tăng	7.176.610.072	21.237.472.513	11.638.963.201	16.775.119.384
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.531.674.387	1.118.095.881	607.383.067	2.042.387.201
- Thuế Thu nhập cá nhân	769.144.178	11.178.203.397	11.884.920.623	62.426.952
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	16.913.016	16.913.016	-
- Các loại thuế khác phải nộp	69.393.555	580.278.194	2.002.000	647.669.749
- Phí lệ phí	788.405.415	43.800.000	41.600.000	790.605.415
Cộng	10.335.227.607	34.174.763.001	24.191.781.907	20.318.208.701

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.361.060.295			20.375.869.081
- Thuế nộp thừa (thuyết minh số V.10)	(1.025.832.688)			(57.660.380)

Thuế Giá trị gia tăng

- Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng :
- Nước sinh hoạt : 5%
 - Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo công văn số 17652/BTC-CST ngày 03/12/2014 của Bộ Tài chính: Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu Công ty đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu từ việc kinh doanh các hàng hoá sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ thì được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Công ty đã được công nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ từ năm 2009..

Các công ty con áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

20.	Phải trả người lao động	(183.802.484)	2.418.117.029
------------	--------------------------------	----------------------	----------------------

Tiền lương và các khoản th nhập khác còn phải trả cho người lao động.

Tiền lương phải trả cho người lao động trong kỳ kế toán này của Công ty Mẹ được ghi nhận vào chi phí theo tiền lương thực trả căn cứ vào mức lương của kỳ kế toán trước (Doanh nghiệp Nhà Nước). Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty Mẹ đang xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đơn giá tiền lương cho Công ty cổ phần để trình Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

21.	Chi phí phải trả ngắn hạn		
------------	----------------------------------	--	--

	- Phải trả thù lao bản quyền tác giả	2.892.095.687	3.254.482.687
	- Phải trả chi phí thi công các công trình thuộc dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP. Vũng Tàu	29.946.410.977	29.946.410.977
	- Chi phí thi công công trình	10.300.000.000	10.300.000.000
	- Chi phí phải trả khác	-	2.355.023.224
	Cộng	43.138.506.664	45.855.916.888

182
TY
HỮU
OÁI
VII
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

22. Phải trả ngắn hạn khác

	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/11/2018
- Kinh phí công đoàn	1.413.313.792	721.371.809
- Bảo hiểm xã hội	3.283.423.773	2.130.770.101
- Bảo hiểm y tế	1.187.265.597	421.568.002
- Bảo hiểm thất nghiệp	379.846.801	176.192.735
- Phải trả về cổ phần hoá (*)	7.564.354.756	7.564.354.756
- Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	2.782.845.206	2.782.845.206
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	373.119.000
- Phải trả liên quan Ban quản lý dự án (**)	84.668.450.491	1.262.439.902.283
- Nguyễn Ngọc Ánh (nợ liên quan tạm ứng)	6.596.157.352	6.456.856.180
- Đinh Xuân Thịnh (nợ liên quan tạm ứng)	7.416.563.955	3.656.312.542
- Kinh phí tạm ứng để thực hiện đề tài Tây Nam Bộ	4.176.897.830	2.158.317.000
Cộng	1.295.088.339.525	9.201.711.076
(*) Số phải trả về cổ phần hoá như sau:		
- Tiền bán cổ phần Nhà Nước	99.043.424.000	
- Chuyển nộp tiền bán cổ phần	(92.724.112.200)	
- Trừ chi phí cổ phần hóa	(840.001.467)	
- Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	(2.782.845.206)	
- Điều chuyển từ vốn công ty cổ phần	4.867.889.629	
Cộng	7.564.354.756	
(**) Số cuối kỳ liên quan Ban quản lý dự án như sau:		
- Phải trả người bán	17.312.625.215	17.312.625.215
- Tiền bán hồ sơ mời thầu	186.973.039	186.973.039
- Ban quản lý dự án phải trả Công ty Busadco (mượn nguồn đầu tư)	19.204.546.157	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	47.964.306.080	1.244.940.304.029
Cộng	84.668.450.491	1.262.439.902.283

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tình hình biến động các khoản vay trong kỳ

	Tại ngày 01/11/2018	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Tại ngày 31/12/2019
23.1 Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam - Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	19.232.236.790	102.726.711.361	(99.671.253.380)	22.287.694.771
23.2 Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu	290.170.783	1.439.416.774	(1.729.587.557)	-
23.3 Vay các cá nhân	-	17.200.000.000	(13.200.000.000)	4.000.000.000
Cộng	19.522.407.573	121.366.128.135	(114.600.840.937)	26.287.694.771

23.1 Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam - Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/600410 ngày 12/7/2019, Các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức vay: 25.000.000.000 Đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Thời gian vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành
- Lãi suất vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/600410/HĐCC ngày 31/07/2019



23.3 Vay các cá nhân

Khoản vay các cá nhân theo hợp đồng và điều khoản cơ bản như sau:

	Hoàng Thị Hường	Ngô Thị Lâu
- Số hợp đồng:	Hợp đồng vay vốn số 08/2019/HĐVV	Hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV
- Ngày hợp đồng:	Ngày 26/8/2019	Ngày 04/6/2019
- Hạn mức vay:	2.000.000.000 Đồng	2.000.000.000 Đồng
- Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động	Bổ sung vốn lưu động
- Thời gian vay:	1 tháng	8 tháng
- Lãi suất vay:	11,0%/năm	7,3%/năm
- Tài sản đảm bảo:	Tín chấp	Tín chấp
- Số dư tại 31/12/2019	2.000.000.000	2.000.000.000

24. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Ngày 01/11/2018	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong kỳ	Ngày 31/12/2019
- Quỹ Khen thưởng	62.916.052	422.000.000	(29.803.289)	455.112.763
- Quỹ Phúc lợi	42.196.711	-	(42.196.711)	-
Cộng	105.112.763	422.000.000	(72.000.000)	455.112.763

25. Phải trả dài hạn khác **432.619.000** -

Nhận ký quỹ của khách hàng được theo dõi tại Văn phòng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

26. Vốn chủ sở hữu

Tình hình Vốn chủ sở hữu trong Kỳ kế toán năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	Ngày 01/11/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2019
26.1	Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
26.2	Quỹ đầu tư phát triển	68.861.475	3.271.086.068	-	3.339.947.543
26.3	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(32.084.531)	7.421.338.846	2.265.665.743	5.123.588.572
26.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10.991.304.246	1.595.851.477	1.834.548.023	10.752.607.700
	Cộng	111.028.081.190	12.288.276.391	4.100.213.766	119.216.143.815

26.1 Vốn góp của chủ sở hữu

▪ Tình hình cổ phiếu

- Mệnh giá cổ phiếu 10.000 Đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành 10.000.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán 10.000.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại - Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 10.000.000 Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

- Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau: ĐVT : 1.000 Đồng

Cổ đông	Ngày 31/12/2019	Tỷ lệ	Ngày 01/11/2018	Tỷ lệ
- Công ty CP Huy Hoàng Việt	1.100.000	11,00%	1.100.000	11,00%
- Công ty CP Vmat	1.650.000	16,50%	1.650.000	16,50%
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	2.750.000	27,50%	2.750.000	27,50%
- Ông Vũ Quốc Vương	1.411.878	14,12%	-	0,00%
- Ông Hoàng Đức Thảo	1.203.450	12,03%	1.203.450	12,03%
- Bà Nguyễn Thị Trinh	980.769	9,81%	-	0,00%
- Bà Hoàng Thị Thắm	23.082	0,23%	-	0,00%
- Bà Hoàng Thị Vui	2.700	0,03%	-	0,00%
- Ông Tôn Thất Kha	5.300	0,05%	5.300	0,05%
- Ông Đỗ Anh Tuấn	4.200	0,04%	4.200	0,04%
- Ông Hồ Văn Thư	3.300	0,03%	3.300	0,03%
- Ông Nguyễn Võ Khoa	3.900	0,04%	3.900	0,04%
- Các cổ đông khác	861.421	8,61%	3.279.850	32,80%
Cộng	10.000.000	100%	10.000.000	100%

26.2 Quỹ Đầu tư phát triển

- Số đầu kỳ	68.861.475	68.861.475
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	3.267.916.230	228.814.614
- Điều chỉnh khác	3.169.838	
- Điều chỉnh sang nguồn vốn cổ phần hóa	-	(228.814.614)
- Số cuối kỳ	3.339.947.543	68.861.475

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

26.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tình hình phân phối Lợi nhuận sau thuế như sau:

- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước	(32.084.531)	14.497.227.921
- Điều chỉnh lợi nhuận kỳ trước	1.202.637.041	(1.274.728.340)
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(3.468.302.784)	(2.306.730.219)
- Lợi nhuận chưa PP kỳ trước chuyển kỳ này	(2.297.750.274)	10.915.769.362
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	7.421.338.846	(9.734.979.271)
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	(1.212.874.622)
- Lợi nhuận kỳ này chuyển kỳ sau	7.421.338.846	(10.947.853.893)
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển kỳ sau	5.123.588.572	(32.084.531)

26.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI)

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

STT	Chỉ tiêu	Ngày 01/11/2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31/12/2019
1	Vốn góp	6.526.499.999		(201.500.000)	6.324.999.999
2	Quỹ đầu tư phát triển	41.348.376	1.732.083.770	(3.169.838)	1.770.262.308
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.423.455.871	(136.232.293)	(1.629.878.185)	2.657.345.393
	Cộng	10.991.304.246	1.595.851.477	(1.834.548.023)	10.752.607.700

❖ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của NCI

- Lợi nhuận kỳ trước chưa phân phối	4.423.455.871	4.747.010.265
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	(1.629.878.185)	-
- Lợi nhuận năm nay chuyển kỳ sau	2.793.577.686	4.747.010.265
- Lợi nhuận sau thuế của NCI kỳ này	(136.232.293)	(323.554.394)
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
- Lợi nhuận năm nay chuyển kỳ sau	(136.232.293)	(323.554.394)
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển kỳ sau	2.657.345.393	4.423.455.871

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

ĐVT: VND

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	90.787.841.025	292.836.364
- Doanh thu bán các thành phẩm	213.106.787.953	228.199.205.219
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.226.613.744	6.002.678.170
Cộng	306.121.242.722	234.494.719.753
28. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	3.172.453.356
Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán trả lại.		
29. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.758.263.107	326.712.727
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	150.789.293.600	141.168.989.713
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.303.663.545	11.454.826.325
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(546.790.966)
Cộng	179.851.220.252	152.403.737.799
30. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.271.643	62.161.232
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.039.545.000
Cộng	21.271.643	1.101.706.232

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

31. Chi phí tài chính

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
- Lãi tiền vay	1.863.724.912	1.240.736.691
- Chi phí tài chính khác	164.112	32.639.655
Cộng	1.863.889.024	1.273.376.346

32. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế năm nay của công ty liên kết	2.218.980.393	1.296.441.838
- Điều chỉnh khác	262.886.544	18.790.600
- Nhận cổ tức trong năm	(879.615.000)	(1.039.545.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(264.097.581)	(204.232.799)
Cộng	1.338.154.356	71.454.639

33. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	1.430.934.100	2.085.105.799
- Chi phí vật liệu, bao bì	18.828.012	24.515.206
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.506.396.314	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.590.204.833	10.480.172.573
- Chi phí bằng tiền khác	7.578.750.977	5.193.723.116
Cộng	20.125.114.236	17.783.516.694

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
- Chi phí nhân viên quản lý	46.008.173.561	34.457.738.499
- Chi phí vật liệu quản lý	44.958.396	39.678.133
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.209.136.446	559.665.741
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.123.882.977	1.661.351.602
- Thuế, phí và lệ phí	112.859.275	179.346.293
- Chi phí dự phòng	-	(712.455.947)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.573.709.781	2.521.783.711
- Chi phí bằng tiền khác	38.341.925.374	29.205.243.579
Cộng	96.414.645.810	67.912.351.611
35. Thu nhập khác	109.405.420	194.804.332

Chủ yếu là các khoản thu để bù vật tư, xử lý các khoản nợ không phải trả.

36. Chi phí khác

- Chi phí xử lý sản phẩm hỏng	576.862.849	115.779.716
- Các khoản tiền phạt	321.619.938	3.017.882.555
- Chi phí khác	904.045.725	159.238.433
Cộng	1.802.528.512	3.292.900.704

37. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Từ 01/11/2018 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/10/2018
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.532.673.307	(9.975.651.554)
- Điều chỉnh thu nhập tính thuế TNDN	(2.581.338.229)	3.514.376.364
+ Chi phí không được trừ	4.985.881.735	3.624.102.726
+ Thu nhập không chịu thuế	-	(1.039.545.000)
+ Lãi từ hoạt động liên kết	(1.338.154.356)	(71.454.639)
+ Chuyển lỗ năm trước	(7.360.027.874)	-
+ Lỗ của các công ty con	1.130.962.266	1.001.273.277
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.951.335.078	(6.461.275.190)
Trong đó		
+ Thu nhập được ưu đãi thuế	4.951.335.078	(6.875.685.747)
+ Thu nhập từ hoạt động khác	-	414.410.557
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi (*)	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN khác (*)	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	495.133.508	82.882.111
- Thuế TNDN được ưu đãi miễn giảm	(247.566.754)	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	247.566.754	82.882.111

(*) Công ty Mẹ được hưởng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10%, các Công ty con thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

- Công ty CP Xây lắp Busadco	(485.106.367)	(429.478.557)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	348.874.074	105.924.163
Cộng	(136.232.293)	(323.554.394)

482
 T.V
 HỮU
 HOÀ
 M V
 T.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.421.338.846	
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>742</u>	

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2019**

Kể từ ngày 01/01/2020, Công ty Khoa học và Công nghệ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam và Chi nhánh Miền Bắc - Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Mọi tài sản, nợ phải trả, vốn góp và các vấn đề khác của các Chi nhánh được điều chuyển về cho Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam tiếp quản và xử lý.

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Xây lắp Busadco	Công ty con
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty con
- Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Cổ đông
- Ban Tổng Giám đốc	Quản lý điều hành Công ty
- Ông Hoàng Đức Thảo	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
- Bà Hoàng Thị Hương	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

❖ **Giao dịch với đơn vị liên quan như sau:**

- Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao của trong kỳ kế toán của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc là **2.937.817.115 Đồng**.
- Chi tiết các giao dịch khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
▪ Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Mua vật tư	6.784.505.200
	Thanh toán tiền mua vật tư	4.412.435.500
▪ Công ty CP Xây lắp Busadco	Chuyển tiền cho Công ty CP Xây lắp	2.017.807.545
	Thuê nhân công	104.781.640
	Thuế GTGT thuê nhân công	10.478.164
	Nhận nợ phải thu từ thuê xe của Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco	566.332.000
	Chuyển nợ phải thu sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	14.145.312.189
	Chuyển nợ phải trả sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	2.207.232.829
	Chuyển lãi đầu tư phải trả sang Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	2.158.243.430
▪ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Mua hàng hóa, dịch vụ	7.063.935.390
	Cán trừ công nợ với Công ty Hà Phương Nam	69.213.600
	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	3.416.534.988
	Bán hàng hóa	669.127.273
	Thuế GTGT bán hàng hóa	66.912.727
	Thu tiền bán hàng	100.000.000
	Nhận nợ phải thu của Công ty Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Busadco	590.899.000
	Nhận nợ phải thu từ Công ty CP Xây lắp Busadco	14.145.312.189



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
▪ Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Mua vật tư	6.784.505.200
	Thanh toán tiền mua vật tư	4.412.435.500
	Nhận nợ phải trả từ Công ty CP Xây lắp Busadco	2.207.232.829
	Nhận lãi đầu tư phải trả từ Công ty CP Xây lắp Busadco	2.158.243.430
▪ Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thu tiền cổ tức năm 2018	879.615.000
▪ Ông Hoàng Đức Thảo	Tạm ứng tiền thù lao tác giả trong kỳ	300.000.000
	Nộp thuế TNCN của thù lao tác giả	10.762.224.813
▪ Bà Hoàng Thị Hương	Vay tiền	2.000.000.000

❖ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản phải thu, phải trả các Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Các khoản nợ phải thu		
- Ông Hoàng Đức Thảo	Tiền thuế TNCN thù lao bản quyền tác giả	10.762.224.813
Các khoản nợ phải trả		
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Tiền mua hàng và nhận dịch vụ cung cấp	2.372.069.700
- Ông Hoàng Đức Thảo	Tiền thù lao bản quyền tác giả	2.892.095.687
- Bà Hoàng Thị Hương	Tiền vay	2.000.000.000
Cộng nợ phải trả		7.264.165.387

0102
GI
RÁCH
KI
NHẢ
CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

3. Thông tin bộ phận

Thông tin về Tài sản và Nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Thi công xây lắp	Loại trừ số dư giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Số cuối năm					
- Tài sản bộ phận	429.381.383.709	47.307.754.745	0	(50.330.829.440)	426.358.309.014
- Nợ phải trả bộ phận	323.310.562.782	16.268.240.695	0	(32.436.638.278)	307.142.165.199
Số đầu năm					
- Tài sản bộ phận	1.579.052.114.082	28.444.083.462	20.526.016.823	(54.460.173.390)	1.573.562.040.977
- Nợ phải trả bộ phận	1.479.052.114.082	7.616.640.739	10.414.917.838	(34.549.712.872)	1.462.533.959.787

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm nay	Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Thi công xây lắp	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.105.244.796	7.847.729.842	-	(7.831.731.916)	306.121.242.722
- Giá vốn hàng bán	183.241.203.634	4.441.748.534	-	(7.831.731.916)	179.851.220.252
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.864.041.162	3.405.981.308	-	-	126.270.022.470
- Doanh thu hoạt động tài chính	12.389.936	8.821.829	56.878	-	21.268.643
- Chi phí tài chính	1.863.889.024	-	-	-	1.863.889.024
- Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	-	-	-	1.338.154.356	1.338.154.356
- Chi phí bán hàng	20.125.114.236	-	-	-	20.125.114.236
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.667.163.765	2.058.934.904	688.547.141	-	96.414.645.810
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.220.264.073	1.355.868.233	(688.490.263)	1.338.154.356	9.225.796.399
- Thu nhập khác	99.356.372	49.048	10.000.000	-	109.405.420
- Chi phí khác	1.001.232.764	348.823.745	452.472.003	-	1.802.528.512
- Lợi nhuận khác	(901.876.392)	(348.774.697)	(442.472.003)	-	(1.693.123.092)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.318.387.681	1.007.093.536	(1.130.962.266)	1.338.154.356	7.532.673.307
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	247.566.754	-	-	-	247.566.754
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.070.820.927	1.007.093.536	(1.130.962.266)	1.338.154.356	7.285.106.553

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

Năm trước	Sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Thi công xây lắp	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	232.182.379.267	7.301.481.262	1.361.618.098	(9.523.212.230)	231.322.266.397
- Giá vốn hàng bán	155.459.113.146	5.217.447.422	1.250.389.461	(9.523.212.230)	152.403.737.799
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.723.266.121	2.084.033.840	111.228.637	-	78.918.528.598
- Doanh thu hoạt động tài chính	11.774.375.830	344.486	104.011	(10.673.118.095)	1.101.706.232
- Chi phí tài chính	1.273.376.346	-	-	-	1.273.376.346
- Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	-	-	-	71.454.639	71.454.639
- Chi phí bán hàng	17.667.940.411	-	115.576.283	-	17.783.516.694
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.188.410.300	1.670.001.587	1.053.939.724	-	67.912.351.611
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.367.914.894	414.376.739	(1.058.183.359)	(10.601.663.456)	(6.877.555.182)
- Thu nhập khác	115.679.529	33.818	79.090.985	-	194.804.332
- Chi phí khác	3.270.719.801	-	22.180.903	-	3.292.900.704
- Lợi nhuận khác	(3.155.040.272)	33.818	56.910.082	-	(3.098.096.372)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.212.874.622	414.410.557	(1.001.273.277)	(10.601.663.456)	(9.975.651.554)
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	82.882.111	-	-	82.882.111
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.212.874.622	331.528.446	(1.001.273.277)	(10.601.663.456)	(10.058.533.665)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính kỳ báo cáo

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 sau đây:

- Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2019 và năm tài chính 2019.
- Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/11/2019.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Hoàng Thị Gấm

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hường

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Thảo

